

Bị cáo bị bắt bắt khẩn cấp ngày 24/11/2019, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Hà Văn H, sinh ngày 15/10/2000; hộ khẩu thường trú: xã Diên Lư, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở: Không nơi ở cố định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; họ tên bố: Hà Văn H, sinh năm 1973; họ tên mẹ: Nguyễn Thị L sinh năm 1970; gia đình có 4 anh chị em, bị cáo là con thứ ba. Nhân thân: Bị cáo không tiền án, không tiền sự.

Bị cáo bị bắt bắt khẩn cấp ngày 24/11/2019, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: xã Vĩnh Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: Số 74, phố Nguyễn Thiếp, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Anh Chu Văn Đ, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú: xã Phúc Lai, huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội truy tố:

Khoảng 21h ngày 18/11/2019, H, V cùng chơi Games ở khu vực phố Phúc Tân, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Do hết tiền tiêu xài nên H và V bàn bạc sẽ thuê xe ôm Grab để chở đến khu vực vắng vẻ để lừa mượn xe máy. Sau đó H và V đi bộ ra khu vực phố Ô Quan Chưởng tìm xe Grab nhưng không có nên H, V đi đến quán bánh cuốn tại số 17 Ô Quan Chưởng, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội để ăn tối. Đến khoảng 00 giờ 40 phút ngày 19/11/2019, H và V nhờ chủ quán bánh cuốn là anh Trần Văn P (SN: 1977 – HKTT: Tổ 14 Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội) đặt xe ôm Grab về ngõ 300 Nguyễn Xiển, anh P sử

dụng số điện thoại 0934.489.954 đặt xe ôm Grab qua ứng dụng trên điện thoại và nói với H, V là tiền đi xe ôm là 87.000VNĐ. Khoảng 5 phút sau anh Bùi Văn T (lái xe ôm Grab – SN: 1989 – HKTT: số 74 Nguyễn Thiếp, Đồng Xuân, Hoàn Kiếm, Hà Nội) điều khiển xe máy Sirius màu đỏ, BKS: 74C1 - 324.60 đến, anh T bảo nếu chở 02 người thì phải thanh toán số tiền là 160.000VNĐ, H, V đồng ý và anh T chở H, V đi đến địa điểm đã đặt. Khi đến ngõ 300 Nguyễn Xiển thì Việt yêu cầu anh T chở vào khu vực biệt thự liền kề phía bên trong ngõ 168 đường Kim Giang, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội. Tại đây, V mượn điện thoại của anh T để giả vờ gọi cho người quen. V bảo anh T cho H mượn xe đi bán ma túy cho khách nhưng anh T không đồng ý, V nói “Địt mẹ thế anh có cho nó mượn không, xe của anh đáng bao tiền” đồng thời H đưa thẻ căn cước công dân của H cho anh T để làm tin (anh T dùng điện thoại soi đúng ảnh trong thẻ căn cước là H) và H bảo V ở lại cùng anh T, anh T đồng ý giao chìa khóa và xe máy cho H, H điều khiển xe máy của anh T đi vào trong ngõ khoảng 5 phút sau H điều khiển xe máy quay lại chỗ anh T, H không tắt máy vẫn ngồi trên xe và cài số 1 mục đích tìm cách để V lên xe cùng chạy thoát, V giả vờ bảo anh T cho V mượn mũ bảo hiểm và áo khoác. Khi anh T đang cởi áo thì V nhảy lên phía sau xe và H điều khiển xe máy bỏ đi.

Ngày 20/11/2019, anh Bùi Văn T đến công an phường Đại Kim trình báo sự việc như trên và giao nộp 01 thẻ căn cước mang tên Hà Văn H. Anh T khai khi V, H bảo mượn xe đi gặp bạn, do H đưa cho anh T thẻ căn cước công dân và V đứng lại cùng anh T nên anh T có niềm tin và giao xe cho H.

Sau khi chiếm đoạt được xe máy thì H, V tháo biển kiểm soát để vào trong cốp xe. Ngày 21/11/2019, V và H mang chiếc xe máy chiếm đoạt được của anh T đến ngõ 204, Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội bán cho Chu Văn Đ (SN: 1994 – HKTT: Thôn 1 Phúc Lai, Đoan Hùng, Phú Thọ) với số tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng). V chia cho H số tiền 1.500.000 đồng, số tiền này H và V đã tiêu xài hết, còn lại 600.000 đồng H và V đã cùng nhau tiêu xài cá nhân hết.

Hồi 21h ngày 23/11/2019, tại khu vực đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, tổ công tác Đội cảnh sát hình sự - Công an quận Hoàng Mai tiến hành kiểm tra hành chính đối với Ban Quốc V. Tại chỗ, V khai nhận cùng Hà Văn H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy của anh T vào ngày 20/11/2019.

Tại Cơ quan điều tra anh Chu Văn Đ đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy YAMAHA, nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen BKS: 74C1 - 324.60. Anh Đ khai quá trình giao dịch mua bán xe anh không biết chiếc xe máy trên do V, H phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý. Anh Đ không yêu cầu V, H phải bồi thường số tiền 3.600.000 đồng mà anh đã bỏ ra mua xe máy trên.

Ngày 03/12/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hoàng Mai kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu đỏ đen biển kiểm soát: 74C1 – 324.60, số khung: C6J0GY 184162; số máy: 5C6J184163 trị giá là 9.500.000đ.

Tại bản cáo trạng số 76/CT-VKS-HM, ngày 26/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Ban Quốc V, Hà Văn H về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Tại phiên tòa:

2.1. Các bị cáo Ban Quốc V, Hà Văn H thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội truy tố về “Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

2.2. Bị hại là anh Bùi Văn T đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Chủ tọa phiên tòa đã công bố lời khai của anh T có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo nghe rõ các lời khai của anh T, công nhận anh T khai đúng sự thật; về trách nhiệm dân sự anh T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt đầy đủ, anh không còn yêu cầu khác.

2.3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là anh Chu Văn Đ đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Chủ tọa phiên tòa đã công bố lời khai của anh Đ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo nghe rõ các lời khai của anh Đ, công nhận anh Đ khai đúng sự thật; về trách nhiệm dân sự anh Đ không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền 3.600.000đ đã bỏ ra mua xe máy. Anh Đ không còn yêu các khác.

2.4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; động cơ, mục đích và nhân thân của các bị cáo Ban Quốc V và Hà Văn H vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, Điều 38; điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Ban Quốc V từ 12 đến 16 tháng tù và xử phạt bị cáo Hà Văn H từ 14 đến 18 tháng tù; miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 màu đen thu giữ của H và 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen thu giữ của V. Do các bị cáo đã dùng điện thoại trên vào việc thực hiện tội phạm; trả lại bị cáo H 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu đen nhãn hiệu “Het” in hoa văn màu vàng, cúc bấm màu đen bằng sắt.

[3] Phần tranh luận tại phiên tòa:

- Bị cáo Ban Quốc V và Hà Văn H thừa nhận Kiểm sát viên luận tội đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình là đúng, nên không tranh luận.

[4] Lời nói sau cùng của bị cáo:

- Bị cáo Ban Quốc V: Tôi đã sai và có tội, Tôi xin Tòa án giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về gia đình và hòa nhập xã hội.

- Bị cáo Hà Văn H: Tôi rất hối hận và biết tội lỗi của mình, tôi xin Tòa án giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về gia đình và hòa nhập xã hội.

NHÂN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hoàng Mai, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi vi phạm của các bị cáo bị truy tố:

Tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo Ban Quốc V, Hà Văn H đúng với các lời khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; phù hợp với tang vật của vụ án cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 00 giờ 40 phút ngày 19/11/2019, tại khu vực ngõ 168 đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, các bị cáo Ban Quốc V và Hà Văn H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát: 74C1 – 324.60, số khung: C6J0GY 184162; số máy: 5C6J184163 của anh Bùi Văn T, trị giá 9.500.000đ. Quá trình điều tra, xe máy này đã được thu hồi trả lại bị hại là anh T. Anh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường dân sự.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Ban Quốc V và Hà Văn H đã đủ yếu tố cấu thành “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Ban Quốc V, sinh ngày 25/10/2001, bị cáo Hà Văn H sinh ngày 15/10/2000 là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng

Mai, Thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Hội đồng xét xử, xét hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn. Xác định hành vi phạm tội của các bị cáo là tội phạm ít nghiêm trọng. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu tới tình hình trật tự xã hội; làm mất lòng tin giữa con người với nhau. Do vậy, cần phải xử lý các bị cáo nghiêm bằng pháp luật hình sự và áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội đối với các bị cáo. Song, Hội đồng xét xử xét thấy hai bị cáo còn rất trẻ (mới qua tuổi vị thành niên), đều là người dân tộc thiểu số, có nhận thức hạn chế; tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả bị hại... Mặt khác, các bị cáo bị tạm giam đến ngày xét xử đã gần 06 tháng, thời gian này đã đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo nhận ra việc làm sai trái của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử có thể xem xét xử phạt các bị cáo hình phạt tù bằng thời gian đã bị tạm giam, trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo.

Tuy nhiên, vụ án có đồng phạm khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần đánh giá vai trò của từng bị cáo. Bị cáo Ban Quốc V là người giả vờ hỏi anh Bùi Văn T để mượn xe máy, ở lại cùng anh T làm tin để anh T tin tưởng giao xe máy của mình cho bị cáo Hà Văn H. Đồng thời để tạo thêm niềm tin cho anh T, bị cáo Hà Văn H đã đưa Thẻ căn cước công dân của mình cho anh T giữ làm tin. Khi điều kiện thuận lợi cả hai bị cáo cùng chiếm đoạt xe máy của anh T; khi tiêu thụ xe máy cả hai bị cáo cùng đi bán và ăn chia tiền bán xe máy đều nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử đánh giá vai trò của hai bị cáo là ngang nhau, khi quyết định hình phạt.

Nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Ban Quốc V và Hà Văn H không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa: thể hiện các bị cáo đã thành khẩn

khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, khi tòa án chuẩn bị xét xử vụ án có nhận được Đơn bảo lãnh (có xác nhận của chính quyền địa phương) của gia đình các bị cáo. Theo nội dung Đơn, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có hộ khẩu thường trú rõ ràng và gia đình các bị cáo cam kết quản lý, giáo dục các bị cáo khi được ra tù. Mặt khác, cả hai bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, có trình độ học vấn thấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Song, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng lớn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[4] Biện pháp tư pháp: Hội đồng xét xử nhận định, cần áp dụng Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giải quyết. Cụ thể: Các bị cáo đã chiếm đoạt của anh Bùi Văn T 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát: 74C1 – 324.60, số khung: C6J0GY 184162; số máy: 5C6J184163, trị giá là 9.500.000đ. Quá trình điều tra, Công an đã thu lại chiếc xe máy này và trả lại cho anh Bùi Văn T; anh T đã nhận xe và không còn yêu cầu khác.

Các bị cáo Ban Quốc V và Hà Văn H được hưởng lợi số tiền 3.600.000đ do anh Đ không yêu cầu trả lại, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền này, theo phần ngang nhau, tương đương mỗi bị cáo phải nộp 1.800.000đ đồng. Do các bị cáo được chia đều nhau và cùng tiêu sài số tiền 3.600.000đ.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Công an thu giữ của các bị cáo các tài liệu, đồ vật sau: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 màu đen thu giữ của bị cáo Hà Văn H và 01 chiếc điện thoại di động Nokia màu đen và 01 áo sơ mi màu

đen nhãn hiệu “Het” in hoa văn màu vàng, cúc bấm màu đen bằng sắt thu giữ của bị cáo Ban Quốc V. Hội đồng xét xử nhận định: Do các bị cáo đã dùng các điện thoại trên vào việc thực hiện tội phạm, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với 01 áo sơ mi màu đen nhãn hiệu “Het” in hoa văn màu vàng, cúc bấm màu đen bằng sắt. Đây là tài sản của bị cáo Ban Quốc V không liên quan đến vụ án, nên cần trả lại bị cáo.

[5] Vấn đề khác: Anh Chu Văn Đ đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy YAMAHA, nhãn hiệu Sirius, màu đỏ đen biển kiểm soát: 74C1 – 324.60, số khung: C6J0GY 184162; số máy: 5C6J184163 cho Cơ quan điều tra để trả lại cho anh T. Anh Đ không biết chiếc xe máy trên do V, H phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38; Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để áp dụng đối với các bị cáo Ban Quốc V và Hà Văn H;

Căn cứ vào Điều 89; 106; 136; 326; khoản 5 Điều 328; 331, 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt bị cáo Ban Quốc V 05 (năm) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày giữ người trong trường hợp khẩn cấp 24 tháng 11 năm 2019 đến ngày 18 tháng 5 năm 2020. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Ban Quốc V đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Xử phạt bị cáo Hà Văn H 05 (năm) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày giữ người trong trường hợp khẩn cấp 24 tháng 11 năm 2019 đến ngày 18 tháng 5 năm 2020. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Hà Văn H đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Biện pháp tư pháp:

2.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone5 màu đen, số Imeil: 013437007488389 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số Imeil 1: 354205102961833, số Imeil 2: 354205102961832 đã qua sử dụng.

2.2. Trả lại bị cáo Ban Quốc V: 01 áo sơ mi màu đen nhãn hiệu “Het” in hoa văn màu vàng, cúc bấm màu đen bằng sắt, đã qua sử dụng.

Toàn bộ vật chứng, tài sản nêu tại Mục 2.1 và 2.2 - Phần Quyết định của Bản án này đang nhập kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, theo Phiếu nhập vật chứng và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/02/2020.

2.3. Các bị cáo Ban Quốc V và Hà Văn H, mỗi người phải nộp 1.800.000đ (*Một triệu tám trăm nghìn đồng*) vào ngân sách nhà nước do được hưởng lợi bất chính từ việc phạm tội.

3. Về án phí: Các bị cáo Ban Quốc V, Hà Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Ban Quốc V, Hà Văn H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền

lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- VKSND quận Hoàng Mai;
- Công an quận Hoàng Mai;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Chiều

